

BẢO TÀNG LÀNG NGHỀ Ở VIỆT NAM: GIAN NAN VÀ LẬN ĐẠN

PHẠM QUỐC

Bảo tàng làng nghề là một thiết chế văn hóa ra đời khá sớm trên thế giới và giờ đây phát triển mạnh mẽ ở những nước đang phát triển. Đó không phải là một lối chơi “thời thượng” mà là một nhu cầu tất yếu của xã hội và của chính các làng nghề. Ở Việt Nam, Đảng và nhà nước luôn quan tâm tới nghề thủ công truyền thống, các làng nghề, coi đó như là một thành phần kinh tế quan trọng và thực tế, trong thời kỳ kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nó đã đóng góp đáng kể trong sự tăng trưởng kinh tế hàng năm. Cũng bắt đầu từ thời mở cửa và hội nhập, cộng đồng quốc tế sẵn sàng trợ giúp cho phát triển làng nghề, thông qua nhiều dự án có hiệu quả, mà nổi bật nhất là dự án của cộng đồng Pháp ngữ Vương quốc Bỉ phối hợp với Cục Di sản văn hóa qua tên gọi là “Hành trình về làng nghề”. Như vậy, vai trò, tầm quan trọng và đóng góp của làng nghề Việt Nam đã quá rõ, nhưng dường như, chúng ta chưa làm được gì nhiều cho làng nghề, đặc biệt là trong sự phát triển mang tính bền vững, khẳng định thương hiệu..., mà theo tôi, còn rất nhiều bộn bề ở trong đó, cần được quan tâm tới, qua nhiều cuộc điều tra, khảo sát. Thế nhưng, một việc có thể đầu tư và quan tâm ngay được, đó là bảo tàng làng nghề Việt Nam, mà những nghiên cứu cơ bản có thể giúp xây dựng được những bảo tàng hấp dẫn, theo đó, đem lại nhiều hiệu quả tích cực về kinh tế - xã hội.

1- Có thể nói, làng nghề Việt Nam, ngoài một số được hình thành muộn, sau nền kinh tế

Việt Nam mở cửa, hội nhập, do nhu cầu lớn của thị trường trong nước và quốc tế, còn đại đa số, đều có lịch sử và truyền thống khá lâu đời, dựa trên những bệ đỡ của các nghề thủ công có tới hàng nghìn năm tuổi, chí ít, cũng hàng trăm năm, sau đó, mở rộng với quy mô to lớn hơn xưa. Những nghề mộc, nghề làm đồ kim hoàn, nghề làm đồ sơn, nghề dệt, nghề đúc đồng, nghề thêu... khảo cổ học đã cho hay, cha ông ta đã chế tác được những sản phẩm tuyệt đỉnh về chất lượng và nghệ thuật. Trong các ngôi mộ thuyền và mộ gạch đầu Công nguyên, những nhà khảo cổ học tìm thấy những đồ sơn son thếp vàng, những bộ công cụ làm đồ mộc, đồ sơn tinh xảo và tráng lệ đến mức ngạc nhiên. Những chiếc khuyên tai, nhẫn bằng vàng, bằng kim loại dát vàng trong văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo làm cho mọi người thần thờ về trình độ và khả năng của những người thợ thủ công xưa, cùng với nhiều huyền tích và huyền thoại có liên quan, tạo ý tưởng hay cho những người làm trưng bày... Thế nhưng, tất cả những di vật ấy, mới chỉ được khai thác đôi chút trong các bảo tàng mang tính lịch sử xã hội mà chưa được đặt trong các bảo tàng làng nghề, bởi những làng nghề nổi tiếng về kim hoàn, nghề mộc, về sơn chưa mấy để tâm, khiến có sự trống vắng. Tôi thấy ở những làng nghề, nhân dân quan tâm tới đền thờ tổ nghề, đến lễ hội hàng năm liên quan tới nghề truyền thống như một nhu cầu, không chỉ tâm linh, mà còn cả sự tự tôn, tự hào về truyền thống, thì không lẽ, họ chối bỏ một thiết chế

văn hóa như bảo tàng, nếu đó là những bảo tàng có ý tưởng hay. Một Ngũ Xã nổi tiếng đúc đồng, với các dòng phái trụ vững ở hai cố đô, đã một thời vàng son, nay đang khởi sắc trong nền kinh tế thị trường, hẳn họ sẽ rất tự hào khi có những bảo tàng, chứa đựng những di sản vật thể như trống đồng Ngọc Lũ, Hoàng Hạ - biểu tượng của cả một quốc gia dân tộc, chứ không chỉ của riêng làng nghề, cùng với những "tứ đại kim khí", "cửu đỉnh" - cộng với những giá trị phi vật thể của những dòng họ, của bí quyết làm nghề, của những giá trị đích thực được tôn vinh trong các triều đại phong kiến hay những bi kịch đau buồn của những cá nhân bị đẩy ải và vùi dập trong những cảnh huống bi kịch và những tao nhân mặc khách thất thế, từ quan về ẩn dật nơi làng nghề, sáng tạo nên những kiệt tác để đời... Quả là hấp dẫn, nếu như những mạch ngầm ấy được khai thác triệt để trong bảo tàng qua sự hỗ trợ của công tác nghiên cứu cơ bản và những ý tưởng hay của những nhà thiết kế. Đó, còn chưa kể đến, chính những thao tác của thợ thủ công sẽ đưa dẫn người xem đến sự tương tác hấp dẫn mà không ít các làng nghề đã sử dụng, cũng được coi là một hình thức bảo tàng. Hình thức ấy được xem là hoạt động chính của bảo tàng làng nghề, nhưng không thể không có ở một số làng nghề, một thiết chế bảo tàng khiêm tốn, vừa phải, có nội dung tinh chiết để bổ sung cho một công xưởng tương tác, cần được xây dựng theo ý tưởng bảo tàng mà dường như các làng nghề Việt Nam chưa làm được nhiều.

Ngay cả những làng nghề mới nổi, ví như ở Đà Lạt, Lâm Đồng, có một bảo tàng hoa là vô cùng xứng đáng. Đây chỉ có các loài hoa, mà những câu chuyện về sự du nhập các loài hoa, về sự khôi phục các làng hoa, về sự thăng trầm của nghề, về sự di cư của người làm hoa cộng với đời sống xen cài với người bản địa và những hình ảnh, cùng cảm nhận của những khách hàng dùng hoa Đà Lạt trong nước và thế giới... sẽ tạo nên một giá trị thương hiệu sâu sắc hơn cho một đô thị nghề: rau xanh và hoa như Đà Lạt. Những festival hàng năm cho thành phố này là cần thiết, nó đã được thực hiện nhiều năm qua với nhiều tỉ đồng chi phí, nhưng vẫn chưa đủ cho một thương hiệu nổi tiếng, chưa bền vững cho một đô thị nghề, nếu không có

một bảo tàng xứng tầm, nhất là đô thị ấy lại là một trung tâm du lịch đầy tiềm năng.

Nói tới đây, tôi nghĩ ngay đến làng chài Cửa Vạn, với ban đầu là điểm đến trong hệ thống bảo tàng sinh thái, tạo cho nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở đây giữ được môi trường xanh, sạch, giữa một Hạ Long trời phú, nhưng nay đã trở thành một bảo tàng làng nghề khá hấp dẫn của kinh tế du lịch Quảng Ninh.

Bên cạnh sự thành công ấy, tôi đã được viếng thăm những làng dệt Vạn Phúc, làng làm gốm Bát Tràng, Chu Đậu, Lái Thiêu... đó là những làng nghề có bề dày cả trăm năm, đã được lịch sử thành văn biên chép và chứng tích khảo cổ học xác tín, nghiêng nhiều về một nhà truyền thống hay một sưu tập hiện vật đầy chất chủ quan và ngẫu hứng. Chỉ lấy một ví dụ, Bát Tràng là một làng gốm danh tiếng, đang nổi lên như một trung tâm sản xuất gốm mỹ nghệ và thực dụng có ảnh hưởng tới thị trường trong và ngoài nước, nhưng ở đây duy nhất có một phòng trưng bày, của một tư nhân, không phải là người Bát Tràng, phò bày một số sưu tập hiện vật của Bát Tràng, thế kỷ XVIII, XIX, chưa điển hình, kém hấp dẫn, thiếu chuyên nghiệp và hình như, có đôi chút bán, mua. Phòng trưng bày ấy đã ra đời gần một thập kỷ, khi mà bảo tàng tư nhân còn manh nha, chưa được sự thừa nhận của Luật di sản văn hóa và dư luận. Lúc ấy, mô hình này được coi là một ý tưởng hay, nhưng qua gần 10 năm, nó vẫn dậm chân tại chỗ, nay có phần xuống cấp vì chủ nhân không đủ sức bươn chải, khi không có được bất cứ một nguồn tài trợ nào. Trong khi ấy, Bát Tràng ngồn ngộn những lớp lang của lịch sử, chất chứa những sự kiện đầy huyền tích, huyền thoại và nhiều biến cố ở vùng đất này. Những câu chuyện về hai ông tổ nghề, một là ở lại dạy nghề, một về Phù Lãng truyền nghề. Rồi, sự chuyển cư lập nghiệp của cư dân Bồ Bát (Thanh Hóa) đến Bát Tràng với bao câu chuyện nhỏ, to, nếu được bảo tàng hóa sẽ hấp dẫn đến nhường nào. Rồi những biến động của làng gốm kể bên - Kim Lan khiến cho cả một phức hợp lò nung thuộc thuộc thời Trần bị chìm ngập khi mùa nước lên của sông Hồng hay những thời đoạn đổi dòng của con sông Mẹ, xóa sổ cả một làng nghề, nay tìm thấy chứng tích, mà các nhà nghiên cứu giả thiết rằng, thời

Đại Việt, Bát Tràng đã từng là khu lò quan dụng, khi so sánh những di vật ở Kim Lan khá tương đồng với di vật khai quật được ở Hoàng thành Thăng Long. Rồi câu chuyện về Kim Lan- Đa Tốn - Bát Tràng chỉ là một, mà con đề thời quá khứ và đại công trình thủy nông Bắc - Hưng - Hải gần đây, đã chia cắt vô thức một làng nghề vào thế kỷ XIV, quy mô của nó to lớn hơn nhiều, chứ không chỉ vển vển như hôm nay. Những câu chuyện như thế đã được kể qua bảo tàng, cộng với những sưu tầm hiện vật đất giá, một thời được dùng trong các cung vua, phủ chúa, nay còn hẳn đọng ngay trên các di vật ấy, cộng với những câu chuyện về dòng họ, về bí quyết làm nghề, về thị trường, về sự thành bại của các ông chủ,... nhỏ nhoi thôi, nhưng đời thường sẽ tạo nên sự riêng biệt và hấp dẫn cho mỗi bảo tàng làng nghề, mà không ngại trùng lặp và đơn điệu.

Nói như vậy, tôi không hề cổ vũ cho sự bùng nổ các bảo tàng làng nghề, mặc dù, Trung Hoa láng giềng đất thế kỷ XXI là thế kỷ phát triển của văn hóa nói chung, bảo tàng nói riêng. Bảo tàng làng nghề chỉ có thể thiết lập dựa trên những điều kiện cần và đủ để chúng tồn tại và phát huy.

2- Làng nghề ở Việt Nam vô cùng phong phú và hấp dẫn. Tuy nhiên, không phải bất cứ đâu cũng có thể xây dựng được bảo tàng, khi làng nghề ấy chưa có sự đầu tư nghiên cứu cơ bản. Những vấn đề về lịch sử làng nghề phải được khẳng định, những lớp lang trong diễn trình lịch sử từng làng phải được bóc tách, thị trường của làng nghề xưa phải được làm rõ, các dòng họ, chi phái phải được rạch ròi... Tất cả những sự kiện liên quan tới làng nghề, khi được bảo tàng hóa đều phải là những sự kiện được thừa nhận từ cộng đồng và các nhà nghiên cứu. Làng nghề ấy phải đủ sức hấp dẫn để tạo nên một điểm đến cho khách hàng và công chúng. Sự hấp dẫn có được, cần phải xây dựng một quy trình tương tác vừa mức đối với khách tham quan và một nhà xưởng có môi trường văn hóa, mà dường như ở Việt Nam, những làng nghề mới cũng như cũ chưa quan tâm tới điều này một cách triệt để. Cộng đồng làng nghề phải đồng thuận, theo đó, tất cả đều có ý thức vun đắp và chăm chút cho thiết chế văn hóa này, giống như họ đã chăm chút cho

ngôi đền thờ tổ nghề hay lễ hội của làng. Các làng nghề xây dựng được bảo tàng phải thuận tiện giao thông, phải nằm liền kề với các trung tâm du lịch hay chính làng phải là một điểm du lịch hoặc ven các đô thị có đông dân cư sinh sống. Làng phải có cơ chế tài chính, con người phục vụ cho các hoạt động bảo tàng. Bảo tàng làng nghề phải có cán bộ chuyên môn và các hoạt động của nó phải đa dạng, sống động, luôn mới mẻ thông qua các chuyên đề khai thác từ các bảo tàng tư nhân và nhà nước bằng những dự án liên kết, hợp tác với nguồn kinh phí của chính bảo tàng và sự tài trợ.

Tất cả những điều kiện cần và đủ để xây dựng bảo tàng làng nghề, tạo điều kiện cho nó sống được và phát huy hiệu quả thì, lẽ đương nhiên tác động của nó trở lại với cộng đồng là đáng kể.

Tác động trước hết là bảo tàng sẽ giúp nâng cao thương hiệu của làng và hàng hóa nó sản xuất ra. Bảo tàng giúp cho bình mức văn hóa của cộng đồng làng nâng lên, thông qua những hoạt động giáo dục của thiết chế văn hóa ấy. Bảo tàng đưa đến lòng tự tôn, tự hào về địa phương, về dòng họ, qua những hình ảnh, hiện vật trưng bày. Bảo tàng, cùng với những thiết chế văn hóa truyền thống khác, liên kết cộng đồng. Bảo tàng giúp thế hệ trẻ bảo lưu văn hóa truyền thống, chống sự xâm hại của văn hóa độc hại từ bên ngoài. Đặc biệt, trong các làng nghề Việt Nam hiện nay, sinh thái, môi trường đang là một vấn nạn lớn đối với cộng đồng. Nếu hoạt động của bảo tàng đưa vấn đề môi trường thành những sự kiện thường xuyên, chắc chắn sẽ đem đến những hiệu quả tích cực hơn nhiều so với những phương tiện truyền thông thuần túy.

Làng nghề nói chung và làng nghề Việt Nam nói riêng còn thiếu nhiều tụ điểm văn hóa để giáo dục thanh thiếu niên và thế hệ trẻ, thông qua những hoạt động có ý nghĩa tích cực, bảo tàng, với lợi thế quan tâm nhiều tới truyền thống, kết hợp với tổ chức các sự kiện mang tính thời sự, chắc chắn sẽ đem lại sự tươi mới trong cách giáo dục mà bấy lâu nay, chúng ta vẫn sử dụng (nhưng xem ra kém hiệu quả). Đó là chưa kể đến những tụ điểm độc hại, hiện đang len lỏi tới mọi ngóc ngách ở những làng quê, đã và đang có nguy cơ làm băng hoại cả

một thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước, mà chúng ta phải có đủ hình thức và biện pháp chống trả.

Điểm qua những tác động tích cực của bảo tàng tới cộng đồng, mà chắc chắn còn rất nhiều yếu tố không thể liệt kê qua một bài viết ngắn. Tuy nhiên, những yếu tố tích cực ấy chỉ có thể phát huy khi nhận thức xã hội, nhận thức cộng đồng, sự quan tâm của lãnh đạo từ trung ương đến địa phương và sự chăm chú cho thiết chế này cùng với nỗ lực của chủ thể bảo tàng, mới đưa đến hiệu ứng tốt, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững, tránh “đầu voi, đuôi chuột”- mà chúng ta đã thấy ở không ít dự án, gây phản cảm, lãng phí hoặc chí ít, là mâu thuẫn giữa đầu tư (trí lực, vật lực, tài lực) với hiệu quả quá ít ỏi của những dự án ấy đem lại.

3- Đảng và nhà nước ta đã có chủ trương xã hội hóa ngành văn hóa, trong đó có bảo tồn - bảo tàng, mà thực tiễn trong nhiều năm qua chủ trương này đã đem đến nhiều thành quả đáng khích lệ. Xã hội hóa, hiểu theo nghĩa nôm na, nhưng trọn vẹn đó là sự đóng góp của cộng đồng và sự quan tâm của nhà nước tới những hoạt động ấy. Vậy thì, bảo tàng làng nghề yêu cầu gì từ cộng đồng và nhà nước?

Trước hết, theo tôi, công việc nghiên cứu cơ bản từ các làng nghề cần sự đóng góp của các nhà nghiên cứu. Đó là những vấn đề về lịch sử làng, lịch sử dòng họ, lịch sử nghề..., theo đó, đánh giá được những mặt mạnh, mặt yếu, bằng sự liên kết đa ngành để xây dựng một dự án khả thi, cho một bảo tàng làng nghề có đủ điều kiện phát triển bền vững. Đây là công việc tưởng như đơn giản, nhưng lại yêu cầu một sự tâm huyết, trung thực, mang tinh thần đạo đức cao của nghề nghiệp mới có thể xây dựng bảo tàng làng nghề hướng tới cộng đồng, được sự đón nhận nhiệt thành của nhân dân.

Các nhà bảo tàng học phải có những ý tưởng mới mẻ tham gia xây dựng một nội dung trưng bày hấp dẫn, hình thức trưng bày hiện đại, xứng đáng một thiết chế văn hóa với những hoạt động thu hút mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là lớp trẻ.

Các nhà kiến trúc phải xây dựng được một bảo tàng làng nghề gắn gũi với kiến trúc truyền thống. Phải chăng, nó như một ngôi đình, ngôi đền, ngôi chùa làng - đã ngàn đời tồn tại, cùng

lớp lớp thế hệ đã từng cư ngụ và sinh sống ở ngôi làng? Nó chắc hẳn không phải là một kiến trúc đô thị, dù cho, làng nghề thời hiện đại đang có xu hướng đô thị hóa cao.

Chính quyền các cấp phải tạo điều kiện về quy chế và hành lang pháp lý cho bảo tàng làng nghề được xây dựng và hoạt động. Đó là điều tưởng như dễ dàng, một khi đã có luật và nghị định, nhưng lại là sức ép đối với các nhà quản lý địa phương, khi nhận thức của họ chưa đủ tâm và tâm huyết chưa đủ nóng, để xây dựng một thiết chế chưa nhìn ra tiền bạc ngay, nhưng có ý nghĩa chiến lược như bảo tàng.

Bảo tàng làng nghề cần huy động tài chính từ các doanh nghiệp của chính làng nghề và doanh nghiệp có liên quan tới làng nghề và doanh nghiệp có liên quan tới làng. Tài chính cũng cần sự trợ giúp từ các dòng họ, mà chủ yếu là những người xa xứ, thành đạt, nay muốn đóng góp có ý nghĩa cho quê hương. Kinh phí cũng cần sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế mà trong nhiều chương trình của họ hướng tới cộng đồng làng nghề. Nguồn tài chính cũng cần từ quỹ hỗ trợ phát triển của chính phủ, mà chủ trương xã hội hóa của Đảng và nhà nước luôn đặt ra vai trò và trách nhiệm ấy đối với quá trình xã hội hóa, đặc biệt là với văn hóa, thể thao.

Cuối cùng, nhưng quan trọng hơn hết, là sự tham gia toàn diện của cộng đồng với bảo tàng. Đó là nhân tố cho sự thành bại, cho sự phát triển bền vững của bảo tàng làng nghề, mà có lẽ, không một nhân tố khách quan nào có thể thay thế được.

Bảo tàng làng nghề Việt Nam còn vô cùng gian nan và lận đận, nhưng tiềm năng cho mô hình phát triển này là khá hứa hẹn, tác động trở lại đối với xã hội, với cộng đồng là khá lớn lao. Nhu cầu, mong muốn của nhà nước, của doanh nhân, của cộng đồng luôn sẵn sàng, nếu chúng ta biết khai thác và xây dựng được những mô hình khả thi, hấp dẫn, có tính bền vững cao... Dường như, bảo tàng làng nghề ở Việt Nam đã có bước đi khá muộn màng, bởi thế, cần có một “cú hích” để có cơ hội phát triển hơn, sánh kịp với khu vực và thế giới, giống như bước đi của đất nước chúng ta sau hơn 20 năm đổi mới, mở cửa và hội nhập./.